

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẬC: Đại học

KHOA : Vật lý

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

HỆ : Chính quy tập trung

NGÀNH ĐÀO TẠO : Vật lý học (4 năm)

KHÓA 2015, 2016

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG					
		Học phần bắt buộc					
1	212003 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	2	2	0		
2	213001 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	3	3	0	2E+05 0	
3	213002 0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2E+05 0	
4	212001 0	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	2E+05 0	
5	312050 1	Tin học đại cương	2	1	1		
6	311016 2	Giải tích 1	2	2	0		
7	311023 2	Giải tích 2	3	3	0	3E+05 2	
8	311026 2	Giải tích 3	2	2	0	3E+05 2	
9	311124 2	Giải tích 4	2	2	0	3E+05 2	
10	311014 2	Đại số và hình giải tích	3	3	0		
11	314030 2	Hóa đại cương	2	2	0		
12	412006 0	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		
13	412007 0	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	4E+05 0	
14	001027 0	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		
15	001028 0	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	001027 0	
16	001029 0	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	001028 0	
17	001030 0	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	001029 0	
18	001031 0	Giáo dục thể chất 5	(1)	(0)	(1)	001030 0	
19	002010 0	Giáo dục quốc phòng	(4t)				
		Tổng	33	32	1		
		Học phần tự chọn					
20	316172 1	Pháp luật đại cương	2	2	0		
21	331001 1	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0		
		Tổng	4	4	0		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	37	36	1		
		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP					
		Học phần bắt buộc					
22	313033 2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành vật lý	1	1	0		
23	313001 2	Các phương pháp tính	2	2	0		
24	313007 2	Cơ học	4	4	0		
25	313031 2	Nhiệt động học và vật lí phân tử	4	4	0		
26	313017 2	Điện và từ học	4	4	0		
27	313036 2	Quang học	3	3	0		
28	313078 2	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	3	3	0		
29	313083 2	Thực hành vật lý đại cương 1	1	0	1		
30	313046 2	Thực hành vật lý đại cương 2	1	0	1		
31	313047 2	Thực hành vật lý đại cương 3	1	0	1		
32	313013 2	Dao động và sóng	2	2	0		
33	313080 2	Vật lý thiên văn	2	2	0		
34	313012 2	Cơ học lý thuyết	3	3	0		
35	313014 2	Điện động lực	3	3	0		
36	313081 2	Vật lý thống kê	2	2	0		
37	313058 2	Toán dùng cho vật lí	3	3	0		
38	313016 2	Điện từ học	2	2	0		
39	313060 2	Vật lý chất rắn 1	2	2	0		
40	313061 2	Vật lý chất rắn 2	2	2	0	3E+05 2	
41	313087 2	Tin học ứng dụng trong vật lý	3	2	1	3E+05 1	
42	313009 2	Cơ học lượng tử 1	3	3	0		
43	313023 3	Kỹ thuật mạch điện tử 1	2	2	0		
44	313073 2	Vật lý laser	2	2	0		

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
45	313059 2	Vật lý bán dẫn	2	2	0		
46	313002 2	Cấu trúc phổ nguyên tử	2	2	0		
47	313025 3	Kỹ thuật xung số	2	2	0		
48	313042 2	Thông tin cáp quang	2	2	0		
49	313079 2	Vật lý phát quang	2	2	0		
50	313076 2	Vật lý nano	2	2	0		
51	313050 3	Thực tập cơ sở 1	2	0	2		
52	313051 3	Thực tập cơ sở 2	2	0	2		
53	313048 3	Thực tập chuyên đề 1	2	0	2		
54	313049 3	Thực tập chuyên đề 2	2	0	2		
55	303003 2	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		
		Tổng	78	63	15		
		Học phần tự chọn					
56	313052 2	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (Lý)	2	2	0	4E+05 0	
57	313053 2	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (Lý)	2	2	0	3E+05 2	
58	320021 1	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	1	1	0		
59	313026 2	Lịch sử vật lý	1	1	0		
60	312002 3	Cấu trúc máy tính	2	2	0		
61	313018 3	Hệ thống viễn thông	2	2	0		
62	313075 3	Vật lý linh kiện và sensor	2	2	0		
63	313028 3	Lý thuyết nhóm và ứng dụng trong quang phổ	2	2	0		
64	313003 2	Cấu trúc phổ phân tử	2	2	0	3E+05 2	
65	313022 3	Kỹ thuật mạch điện tử 2	2	2	0	3E+05 3	
66	313024 3	Kỹ thuật vi xử lý	2	2	0		
67	313037 3	Quang phổ laser	2	2	0		
68	313082 3	Xử lý số tín hiệu	2	2	0		
69	313015 2	Điện kỹ thuật	1	1	0		
70	313041 2	Thiết bị và phương pháp phân tích quang phổ	2	2	0		
71	313010 2	Cơ học lượng tử 2	2	2	0	3E+05 2	
72	313019 3	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7		
		Tổng	36	29	7		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	114	92	22		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA	135				
		Tổng số tín chỉ bắt buộc	111				
		Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu (chọn ra 24/40 tín chỉ)	24				

Ghi chú: Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra

* Học phần Tiếng Anh A2.1 là học phần tiên quyết của học phần Tiếng Anh A2.2

Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh trình độ B1 khung châu Âu

TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Văn Hiếu

HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. LÊ QUANG SƠN

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẬC: Đại học

KHOA: Vật lý

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

HỆ: Chính quy tập trung

NGÀNH ĐÀO TẠO: Vật lý học (4 năm)

KHÓA 2015, 2016

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
1	212003 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (1)	2	2	0		
	412006 0	Tiếng Anh A2.1	3	3	0		*
	311014 2	Đại số và hình giải tích	3	3	0		
	311016 2	Giải tích 1	2	2	0		
	314030 2	Hóa đại cương	2	2	0		
	313007 2	Cơ học	4	4	0		
	313031 2	Nhiệt động học và vật lý phân tử	4	4	0		
	001027 0	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(1)		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ:			20	20	0		
2	213001 0	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin (2)	3	3	0	2E+05 0	
	412007 0	Tiếng Anh A2.2	4	4	0	4E+05 0	*
	312050 1	Tin học đại cương	2	1	1		
	311023 2	Giải tích 2	3	3	0	3E+05 2	
	313080 2	Vật lý thiên văn	2	2	0		
	313013 2	Dao động và sóng	2	2	0		
	313083 2	Thực hành vật lý đại cương 1	1	0	1		
	Học phần tự chọn:						
	313026 2	Lịch sử vật lý	1	1	0		
	001028 0	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(1)	001027 0	
	002010 0	Giáo dục quốc phòng	(4t)				
Tổng số tín chỉ trong học kỳ:			18	16	2		
3	213002 0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	2E+05 0	
	311026 2	Giải tích 3	2	2	0	3E+05 2	
	313017 2	Điện và từ học	4	4	0		
	313058 2	Toán dùng cho vật lý	3	3	0		
	313001 2	Các phương pháp tính	2	2	0		
	313046 2	Thực hành vật lý đại cương 2	1	0	1		
	Học phần tự chọn:						
	313052 2	Tiếng Anh chuyên ngành 1 (Lý)	2	2	0	4E+05 0	
	331001 1	Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính	2	2	0		
	316172 2	Pháp luật đại cương	2	2	0		
	001029 0	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(1)	001028 0	
Tổng số tín chỉ trong học kỳ:			20	19	1		
4	212001 0	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3	0	2E+05 0	
	311124 2	Giải tích 4	2	2	0	3E+05 2	
	313036 2	Quang học	3	3	0		
	313012 2	Cơ học lý thuyết	3	3	0		
	313016 2	Điện từ học	2	2	0		
	313033 2	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học chuyên ngành vật lý	1	1	0		
	313047 2	Thực hành vật lý đại cương 3	1	0	1		
	Học phần tự chọn:						
	320021 1	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục	1	1	0		
	313053 2	Tiếng Anh chuyên ngành 2 (Lý)	2	2	0	3E+05 2	
	313018 3	Hệ thống viễn thông	2	2	0		
	001030 0	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(1)	001029 0	
Tổng số tín chỉ trong học kỳ:			20	19	1		
5	313014 2	Điện động lực	3	3	0		
	313023 3	Kỹ thuật mạch điện tử 1	2	2	0		
	313025 3	Kỹ thuật xung số	2	2	0		
	313009 2	Cơ học lượng tử 1	3	3	0		
	313060 2	Vật lý chất rắn 1	2	2	0		
	313073 2	Vật lý laser	2	2	0		
	313078 2	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	3	3	0		

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ			HP học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH		
		Học phần tự chọn:					
	312002 3	Cấu trúc máy tính	2	2	0		
	001031 0	Giáo dục thể chất 5	(1)	(0)	(1)	001030 0	
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		19	19	0		
6	313059 2	Vật lý bán dẫn	2	2	0		
	313042 2	Thông tin cáp quang	2	2	0		
	313081 2	Vật lý thống kê	2	2	0		
	313002 2	Cấu trúc phổ nguyên tử	2	2	0		
	313061 2	Vật lý chất rắn 2	2	2	0	3E+05 2	
	313050 3	Thực tập cơ sở 1	2	0	2		
	313048 3	Thực tập chuyên đề 1	2	0	2		
		Học phần tự chọn:					
	313024 3	Kỹ thuật vi xử lý	2	2	0		
	313037 3	Quang phổ laser	2	2	0		
	313010 2	Cơ học lượng tử 2	2	2	0	3E+05 2	
	313015 2	Điện kỹ thuật	1	1	0		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		21	17	4		
7	313087 2	Tin học ứng dụng trong vật lý	3	2	1	3E+05 1	
	313076 2	Vật lý nano	2	2	0		
	313079 2	Vật lý phát quang	2	2	0		
	313051 3	Thực tập cơ sở 2	2	0	2		
	313049 3	Thực tập chuyên đề 2	2	0	2		
		Học phần tự chọn:					
	313075 3	Vật lý linh kiện và sensor	2	2	0		
	313028 3	Lý thuyết nhóm và ứng dụng trong quang phổ	2	2	0		
	313003 2	Cấu trúc phổ phân tử	2	2	0	3E+05 2	
	313022 3	Kỹ thuật mạch điện tử 2	2	2	0	3E+05 3	
	313082 3	Xử lý số tín hiệu	2	2	0		
	313041 2	Thiết bị và phương pháp phân tích quang phổ	2	2	0		
	Tổng số tín chỉ trong học kỳ :		23	18	5		
8	303003 2	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3		
		Học phần tự chọn:					
	313019 3	Khóa luận tốt nghiệp	7	0	7		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			10	0	10		

Ghi chú: Không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng và phần Tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra

* Học phần Tiếng Anh A2.1 là học phần tiên quyết của học phần Tiếng Anh A2.2

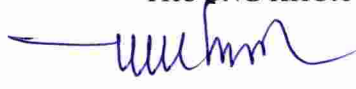
Điều kiện tốt nghiệp:

Phải tích lũy tối thiểu 135 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc

Đạt chuẩn đầu ra Tin học

Đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh trình độ B1 khung châu Âu

TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Văn Hải

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



PGS.TS. LÊ QUANG SƠN